

# Đầu tư trực tiếp của Mỹ và khả năng thu hút của Việt Nam

NGUYỄN MINH TUẤN\*

*Việt Nam đang tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới theo hướng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Công cuộc đổi mới đòi hỏi rất lớn về vốn, công nghệ mới, trình độ quản lý hiện đại. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đặc biệt là của các nước nắm giữ công nghệ nguồn với kinh nghiệm quản lý hiện đại như Mỹ là một phần không thể thiếu. Bài viết này đề cập xu hướng gia tăng đầu tư trực tiếp của Mỹ ra nước ngoài, nhất là vào các nước châu Á sau khủng hoảng tài chính toàn cầu và khả năng Việt Nam thu hút dòng vốn này.*

**Từ khóa:** FDI, Mỹ, Việt Nam.

## 1. Xu hướng đầu tư của Mỹ ra nước ngoài

Với sự phát triển mạnh mẽ của thương mại và đầu tư quốc tế, ngày nay các công ty Mỹ hầu như coi địa bàn đầu tư cũng như các ưu đãi về thuế chỉ là yếu tố thứ yếu trong quyết định đầu tư của họ. Điều mà các nhà đầu tư Mỹ thực sự quan tâm là những lợi thế so sánh về tiếp cận thị trường, chi phí lao động, điều kiện về kết cấu hạ tầng, tính minh bạch của hệ thống pháp luật và cơ chế quản lý... Trong các yếu tố nói trên, tiếp cận thị trường hàng hóa là yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến quyết định đầu tư ra nước ngoài của các công ty Mỹ. Thực tế cho thấy, hàng hoá xuất khẩu của Mỹ có khả năng thâm nhập tốt nhất vào những thị trường mà Mỹ có đầu tư lớn. Chính nguồn vốn này đã tạo ra gần 60% giá trị xuất khẩu, góp phần đáng kể vào việc tăng năng lực xuất khẩu của Mỹ. Dưới

đây là một số đặc điểm đầu tư trực tiếp của Mỹ ra nước ngoài:

- Ở châu Âu, tiến trình nhất thể hoá của Liên minh châu Âu, đặc biệt là việc sử dụng hoàn toàn đồng tiền chung châu Âu, đồng euro vào năm 2002 đã góp phần thúc đẩy hoạt động mua lại và sáp nhập qua biên giới (Cross Border M&A) giữa các tập đoàn Mỹ và châu Âu nhằm duy trì sức cạnh tranh ở khu vực này. Quá trình này được thúc đẩy mạnh mẽ bởi tái cấu trúc kinh tế ở các quốc gia châu Âu hậu khủng hoảng.

- Ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đầu tư trực tiếp của Mỹ có ảnh hưởng quan trọng, thậm chí chi phối nhiều ngành kinh tế then chốt như khai thác khoáng sản, năng lượng, cơ khí, xây dựng cơ sở hạ tầng... Ví dụ, Công ty Caltex kiểm soát trên 80% dầu mỏ khai thác ở Indonesia, đồng thời chi phối luôn hoạt động xuất khẩu; đại bộ phận công nghiệp lọc hoá dầu

\*Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

ở Singapore cũng do công ty này chi phối; ở Philippines và Malaysia, đầu tư của Mỹ chiếm tỷ trọng lớn trong các ngành công nghiệp chủ chốt như cơ khí chế tạo, sản xuất, lắp ráp hàng điện tử...

- Đầu tư trực tiếp của Mỹ cũng tác động đáng kể đến cơ cấu công nghiệp của các nước ASEAN, thúc đẩy để ngành này dịch chuyển theo hướng phù hợp với cơ cấu kinh tế Mỹ và hỗ trợ cho ngành công nghiệp Mỹ. Điều này thể hiện ở chỗ, các công ty Mỹ chỉ đầu tư vào những ngành sản xuất ra sản phẩm mà Mỹ không có hoặc sản xuất không có hiệu quả. Các công ty Mỹ cũng đặc biệt chú ý đến việc đầu tư vào các ngành khai thác khoáng sản và chế biến nông sản nhằm tạo nguồn nguyên liệu, năng lượng chiến lược phục vụ cho các ngành công nghiệp của Mỹ. Trên thực tế, mặc dù rất giàu có về tài nguyên và nguyên liệu cho sản xuất, nhưng để tiết kiệm, Mỹ vẫn muốn sử dụng nguồn từ bên ngoài thay vì khai thác ở trong nước.

- Khác với đầu tư của Nhật Bản thường ở quy mô vừa phải, áp dụng quy trình công nghệ tương đối đơn giản, đầu tư của Mỹ tuy ít hơn Nhật Bản về số lượng dự án nhưng quy mô khá lớn, sử dụng công nghệ sản xuất hiện đại và trình độ quản lý tiên tiến. Xu hướng đầu tư của Nhật Bản là tập trung vào những ngành công nghiệp truyền thống như dệt, vải sợi, chế biến nguyên liệu thô, lắp ráp hàng điện tử, trong khi đó Mỹ lại chú ý đến các ngành khai khoáng và dịch vụ; năng lượng và các ngành cơ khí chế tạo.

- Trong những năm 1990, phần lớn đầu tư của Mỹ tại châu Á (trừ Nhật Bản) là vào sản xuất những mặt hàng xuất khẩu trở lại Mỹ chứ không nhằm vào tiêu thụ tại thị trường địa phương (bởi vì thu nhập của người dân ở các quốc gia này rất thấp). Thêm vào đó, những điều kiện áp dụng đối với đầu tư nước ngoài của các quốc gia này thường làm giảm lượng việc làm đối với lao động Mỹ. Những hàng hoá xuất khẩu sang các nước châu Á thông qua hoạt

động FDI thường là bán thành phẩm và nguyên liệu, được sử dụng tại các công ty có vốn FDI của Mỹ và rồi lại được xuất khẩu trở lại Mỹ. Những đặc điểm này trái hẳn với đặc điểm chung của dòng FDI ra nước ngoài của Mỹ. Tuy nhiên, chiến lược "*Dính liú và mở rộng*" được Mỹ thực hiện là nhằm phát huy vai trò siêu cường duy nhất, tạo môi trường quốc tế thuận lợi để phát triển kinh tế, duy trì lợi ích kinh tế và an ninh ở các khu vực, từng bước thiết lập một trật tự thế giới mới do Mỹ lãnh đạo, Mỹ đã chấp nhận những điểm bất lợi ban đầu trong đầu tư vào khu vực này.

Trong những năm gần đây, Mỹ càng tỏ ra tích cực hơn trong việc đẩy mạnh quan hệ đầu tư với các nước châu Á. Các chuyến viếng thăm Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Trung Quốc, Australia... trong thời gian cầm quyền của các đời Tổng thống Mỹ kể từ Tổng thống B.Clinton là nhằm thiết lập các mối quan hệ song phương Mỹ - Trung Quốc, Mỹ - Nhật Bản, Mỹ - Hàn Quốc và các tam, tứ giác quyền lực Mỹ - Nhật - Hàn Quốc - Trung Quốc ở châu Á. Chiến lược tam, tứ giác quyền lực của Mỹ kể từ thời B.Clinton đã có chút thay đổi dưới thời cựu Tổng thống G.Bush và Tổng thống Obama hiện nay do sự trỗi dậy của Trung Quốc. Với các nước ASEAN, Mỹ coi trọng địa bàn hấp dẫn này, tích cực hỗ trợ sự phục hồi kinh tế tài chính sau khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997 - 1998 và khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008, đồng thời tích cực nâng tầm ảnh hưởng của mình trong các Hội nghị thượng đỉnh gần đây của khối ASEAN. Với Trung Quốc, Mỹ tăng cường đầu tư với khối lượng lớn vào nước này nhằm tăng tỷ phần đầu tư của Mỹ so với các nước trong khu vực. Tuy nhiên, sau khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu năm 2008, đầu tư trực tiếp của Mỹ có dấu hiệu giảm sút ở Trung Quốc, nhưng lại gia tăng trong khu vực ASEAN, trong đó có Việt Nam, Myanmar. Sự thay đổi này hình thành một thể chiến lược khai thác thị trường châu Á cả bề rộng lẫn bề sâu và trên mọi hướng.

Các chiến lược kinh tế thương mại của Mỹ bao giờ cũng được đặt trong các chương trình điều chỉnh tổng thể nhằm thích ứng, thậm chí làm thay đổi các xu thế phát triển của thế giới theo hướng có lợi cho Mỹ. Do đó, trong các tính toán chiến lược nói chung, các chính sách thương mại, đầu tư nói riêng, Mỹ thường chú ý đến vị thế và ảnh hưởng của các nước lớn. Chẳng hạn, trong sự điều chỉnh chiến lược kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, Mỹ rất quan tâm đến vị thế và những chuyển đổi về chính sách của các nước như Nhật Bản, Trung Quốc, Australia. Ngược lại, các nền kinh tế này (trừ Trung Quốc những năm gần đây) dường như đều lựa chọn theo "thái độ" của Mỹ để điều chỉnh chính sách kinh tế đối ngoại của mình. Tuy nhiên, Mỹ cũng không bỏ qua các cơ hội phát triển mang lại lợi ích từ quốc gia nhỏ nhất. Với vị trí địa - chính trị và địa - kinh tế của mình, Việt Nam vẫn là một trong những quốc gia được Mỹ coi trọng trong chiến lược tái cân bằng châu Á - Thái Bình Dương. Quan hệ với Việt Nam là nhằm tăng cường ảnh hưởng của Mỹ ở Đông Nam Á về mọi phương diện. Mỹ muốn tạo dựng lại hình ảnh mới của mình ở khu vực này sau một thời kỳ dài vắng bóng bằng việc thể hiện vai trò dẫn dắt APEC, tăng cường đầu tư vào khu vực Đông Nam Á, Đông Á. Khu vực này hiện là những thị trường đầu tư, thương mại hấp dẫn, tỷ suất lợi nhuận cao mà ngay cả Nhật Bản cũng đang chuyển dần những khoản đầu tư của họ ở châu Âu, Bắc Mỹ về lại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Do vậy, trong bối cảnh quốc tế hiện nay, Việt Nam đã và đang trở thành một nhân tố "đáng kể" để Mỹ phải tính đến trong chiến lược tái cân bằng châu Á - Thái Bình Dương của họ. Vì vậy, Việt Nam nên có cái nhìn dài hạn về lợi ích của mình trong phát triển quan hệ đầu tư với Mỹ.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương luôn chiếm vị trí quan trọng trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Khu vực này chiếm tới 49% ngoại thương của Mỹ, trong đó có các đối tác

quan trọng nhất như Nhật Bản, Trung Quốc, các nền kinh tế mới công nghiệp hoá và các nước ASEAN. Các lợi ích kinh tế ở khu vực này cũng ngày càng trở nên thúc bách hơn đối với Mỹ. Bởi vì, phần lớn các hoạt động thương mại và đầu tư ở châu Á là do các công ty xuyên quốc gia của Nhật Bản và Hoa kiều nắm giữ hoặc chi phối. Các nền kinh tế khác như Hàn Quốc, Đài Loan và ASEAN trước đây từng dựa vào Mỹ thì nay đã và đang trỗi dậy và trở thành những địch thủ cạnh tranh thay dần các vị trí kinh tế của Mỹ trong khu vực. Trung Quốc với tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới liên tục trong thời gian kể từ năm 1978 cùng với Hồng Kông, Đài Loan, Singapore cũng đang tạo ra "một vành đai kinh tế Trung Hoa" có phạm vi ảnh hưởng rộng khắp các nước châu Á. Tất cả những yếu tố này đã làm cho Mỹ rất lo ngại và buộc Mỹ phải tăng cường sự có mặt ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương vì những lợi ích kinh tế của mình ở khu vực này. Đồng thời, Mỹ cũng hy vọng một thị trường năng động và đầy tiềm năng của khu vực châu Á - Thái Bình Dương có khả năng giúp Mỹ tăng cường địa vị cường quốc kinh tế của mình.

Trong bối cảnh đó, tăng cường thúc đẩy quan hệ với Việt Nam trở thành một khâu quan trọng trong chiến lược của Mỹ đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Các công ty đa quốc gia dù lớn hay nhỏ đều mong đợi tham gia xây dựng các cơ sở hạ tầng ở Việt Nam được Ngân hàng thế giới hậu thuẫn. Những công ty nhìn xa hơn đã thấy được Việt Nam là một thị trường tiềm năng, có thể hỗ trợ cho các thị trường châu Á khác, một thị trường có tiềm năng tiêu thụ lớn gấp 2 lần một số nước mà Bộ Thương mại Mỹ coi là "những thị trường lớn đang xuất hiện" để tiêu thụ các hàng hoá của Mỹ, và là một cơ hội để di chuyển ít nhất là ngành công nghiệp chế tạo "kỹ thuật tầm trung" đến đây nhằm giảm chi phí nhân công đang gia tăng liên tục ở Hồng Kông, Hàn Quốc và Singapore.

Một khi Việt Nam hội nhập sâu vào khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nếu Mỹ không có quan hệ đối với Việt Nam tức là Mỹ đã không chỉ mất đi vai trò của mình ở một thị trường 100 triệu dân Việt Nam mà còn mất đi thị trường 600 triệu dân ASEAN, nhất là sắp tới đây khi AEC có hiệu lực. Hơn nữa, nếu không đẩy mạnh quan hệ kinh tế - thương mại với Việt Nam, việc thi hành chiến lược kinh tế được coi là ưu tiên số một trong điều chỉnh chiến lược toàn cầu của Mỹ trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương thời kỳ sau chiến tranh lạnh sẽ không đạt kết quả mong muốn. Vì vậy, Báo cáo chiến lược an ninh quốc gia Mỹ cho thế kỷ 21 đã xác định, lợi ích chiến lược của Mỹ ở Đông Nam Á là phát triển hợp tác khu vực và song phương cùng các quan hệ kinh tế nhằm ngăn chặn và giải quyết các xung đột và nâng cao mức độ tham gia của Mỹ trong nền kinh tế khu vực.

Đối với các nước ASEAN, chính sách kinh tế của Mỹ có 3 định hướng chính.

*Thứ nhất*, trong lĩnh vực kinh tế, việc duy trì và tăng cường các quan hệ kinh tế ngày càng có hiệu quả với ASEAN là một định hướng ưu tiên trong chính sách của Mỹ. Mỹ rất quan tâm đến thị trường ASEAN, vì ASEAN có tiềm năng phát triển thành một thị trường lớn, năng động trong khu vực.

Chính vì vậy, Mỹ đã mở rộng danh sách "các thị trường đang nổi" sang cả các nước thành viên khối ASEAN. Danh sách này thể hiện sự đánh giá lại của Mỹ đối với các thị trường bên ngoài, xem đây là điều kiện hết sức quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế Mỹ. Do đó, việc Mỹ chủ trương hợp tác chặt chẽ với các nước ASEAN không phải là ngẫu nhiên, khi tính đến tiềm năng của khu vực này.

*Thứ hai*, Mỹ đang đẩy mạnh quá trình tự do hoá thương mại của các nước ASEAN nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của khu vực này. Dưới tác động của Mỹ và theo xu thế chung của

thời đại, quá trình tự do hoá thương mại và đầu tư trong khối ASEAN đã và đang được đẩy nhanh. Phương hướng chính trong hoạt động của Mỹ ở đây trong những năm tới là thực hiện chính sách tự do hoá các luồng vốn trong nội bộ các nước thành viên ASEAN.

*Cuối cùng*, chính sách kinh tế của Mỹ còn trừu định việc tiến hành các sáng kiến song phương cùng với một số nước ASEAN nhằm tạo điều kiện cho phát triển kinh tế, ổn định chính trị và cải cách thị trường vì lợi ích của chính bản thân nước Mỹ.

Hơn nữa, sự trỗi dậy của Trung Quốc đang đe dọa vai trò bá chủ thế giới của Mỹ cũng khiến Mỹ có lý do để Mỹ quay trở lại châu Á, và việc đầu tư phát triển các quốc gia trong khu vực như Việt Nam cũng là lợi ích quốc gia của Mỹ.

Về cơ bản, chính sách kinh tế của Mỹ đối với Việt Nam cũng bao hàm 3 định hướng chủ yếu trên. Việc tăng cường hợp tác kinh tế đối với Việt Nam xuất phát từ chính bản thân nước Mỹ và nó cũng phù hợp với xu thế toàn cầu hiện nay: hoà bình, hợp tác cùng phát triển. Việt Nam ngày càng chiếm một vị trí quan trọng trong việc thu hút dòng vốn FDI của Mỹ với những lợi thế về nguồn nguyên liệu phong phú, nguồn lao động dồi dào với chi phí lao động thấp, lại là một nước có nhiều cảng biển sẽ góp phần thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hoá. Vì vậy, Việt Nam sẽ là một địa điểm quan trọng thu hút các nhà đầu tư Mỹ.

## 2. Khả năng tiếp nhận của Việt Nam

Các phân tích cho thấy triển vọng đầu tư nước ngoài, đặc biệt là Mỹ - một nước có tiềm lực kinh tế mạnh, với hàng trăm công ty đa quốc gia với quy mô lớn, hoạt động trên nhiều lĩnh vực, có xu hướng tăng lên. Mỹ là chủ đầu tư của nhiều nước, chủ yếu đầu tư nhiều nhất vào những nơi có cơ sở hạ tầng phát triển, trình độ lao động có chuyên môn cao, luật pháp ổn định, mức độ rủi ro thấp. Với những

tiêu chí này thì các nước khu vực châu Á - Thái Bình Dương là địa chỉ hấp dẫn để thu hút FDI của Mỹ.

Theo kết quả khảo sát về triển vọng thu hút đầu tư của Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) công bố, Việt Nam đứng thứ 6 trong tổng số 141 nền kinh tế được khảo sát (chỉ sau Trung Quốc, Ấn Độ, Mỹ, Nga, Brazil). Đây được coi là một bước đột phá trong đánh giá của giới đầu tư quốc tế đối với Việt Nam. Nó phản ánh đúng thực chất những xu thế tích cực trong đổi mới kinh tế của Việt Nam cũng như trong sự đánh giá của giới đầu tư, kinh doanh quốc tế. Đây là kết quả của quá trình cải cách liên tục về môi trường đầu tư, hệ thống luật pháp, chính sách, nền kinh tế thị trường... Với một nền kinh tế quy mô nhỏ, mới nổi và đang trong quá trình chuyển đổi như Việt Nam thì đây thực sự là một kết quả đáng khích lệ.

Với những nỗ lực về cải thiện môi trường đầu tư trong nước, việc tăng cường xúc tiến đầu tư nước ngoài, việc ký kết và thực hiện các Hiệp định song phương liên quan đến đầu tư đã xuất hiện động thái mới về đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, trong đó có Mỹ, thể hiện qua việc gia tăng số lượng các nhà đầu tư Mỹ vào Việt Nam khảo sát, tìm kiếm cơ hội đầu tư, kinh doanh. Xu hướng trên cũng sẽ tạo điều kiện để hình thành các dự án đầu tư mới trong tương lai.

Việt Nam mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ tích cực và thiết thực hơn nữa của cộng đồng doanh nghiệp và các nhà đầu tư Mỹ đối với công cuộc cải cách và phát triển kinh tế của đất nước.

Trong những năm qua, cả phía Việt Nam và Mỹ đều có các chuyến thăm và làm việc của lãnh đạo cấp cao và công đồng doanh nghiệp hai nước. Thông điệp từ phía Việt Nam là mong muốn tăng cường làm ăn với doanh nghiệp Mỹ và hoan nghênh các nhà đầu tư Mỹ đầu tư vào Việt Nam.

Phía Việt Nam không ít lần khẳng định rằng Việt Nam sẵn sàng là đối tác và sẵn sàng tạo

mọi điều kiện tốt nhất cho các doanh nghiệp Mỹ đầu tư vào Việt Nam. Còn phía Mỹ cũng có thông điệp mạnh mẽ, như Tổng thống Bush đã khích lệ các doanh nhân Mỹ: "*Nếu còn trẻ và muốn kiếm nhiều tiền tôi sẽ tới Việt Nam*". Chính những thông điệp đó khi gửi tới cộng đồng doanh nghiệp hai nước đã khiến cho các nhà đầu tư rất ấn tượng và tin tưởng vào việc hợp tác đầu tư giữa hai bên. Mỹ quan tâm đến thị trường Việt Nam bởi các lý do sau đây:

*Thứ nhất*, Việt Nam còn rất nhiều tiềm năng về tăng trưởng, thị trường Việt Nam thân thiện đối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, đặc biệt với các doanh nghiệp đến từ Mỹ;

*Thứ hai*, Chính phủ Việt Nam có nhiều chính sách ưu đãi và các doanh nghiệp Việt Nam rất thiện chí hợp tác với các nhà đầu tư Mỹ;

*Thứ ba*, người Việt Nam ham học hỏi và chăm chỉ, cần cù, chi phí nhân công rẻ và lao động ngày càng được nâng cao về chất lượng, dân số đông với mức thu nhập đang dần được cải thiện;

*Thứ tư*, tình hình kinh tế xã hội ổn định. Đây là tín hiệu tốt để giảm thiểu thất nghiệp, góp phần vào sự ổn định xã hội. Triển vọng tình hình kinh tế Việt Nam trong dài hạn rất khả quan.

Nếu không có gì thay đổi đột biến trong quan hệ quốc tế trong những năm tới, tình hình kinh tế - xã hội nước ta sẽ tiếp tục ổn định, nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng nhanh, thị trường sẽ tiếp tục được mở rộng, cơ sở hạ tầng cũng sẽ tiếp tục được nâng cấp. Theo đánh giá của phía Mỹ, thời điểm để Mỹ trở thành nhà đầu tư số một ở Việt Nam đã đến gần khi lộ trình mở cửa các dịch vụ viễn thông, tài chính, năng lượng... vốn là thế mạnh của Mỹ đã gần kề. Nhiều nhà kinh tế Mỹ cho rằng trong vài năm tới đây sẽ có nhiều tỷ USD của các công ty Mỹ đổ vào Việt Nam. Chỉ cần một số tập đoàn lớn xuất hiện trên những lĩnh vực công nghệ cao sẽ tạo hiệu ứng thu hút nhiều doanh nghiệp ở các lĩnh vực khác đến Việt Nam.

Với Việt Nam, Mỹ là nơi hội tụ của nhiều tập đoàn xuyên quốc gia hàng đầu thế giới, có thế mạnh về tài chính và công nghệ hiện đại, mạng lưới thị trường quốc tế rộng lớn và kỹ năng quản trị kinh doanh đẳng cấp. Các lợi thế nêu trên một khi được kết hợp với các lợi thế của Việt Nam sẽ mang lại lợi ích to lớn và thiết thực cho cả hai bên. Việt Nam chủ trương hướng mạnh vào việc tiếp cận và thu hút đầu tư từ các TNCs của Mỹ theo chiều hướng: thực hiện những dự án lớn, công nghệ cao hướng vào xuất khẩu, tạo điều kiện để một số TNCs xây dựng các trung tâm nghiên cứu, phát triển vườn ươm công nghệ gắn với đào tạo nguồn nhân lực.

Hiện tại, Mỹ và Việt Nam có một cơ chế chung thúc đẩy thương mại, đầu tư là Hội đồng tư vấn Việt - Mỹ, nơi mà bên cạnh chức năng tư vấn chính sách còn là nơi để các nhà đầu tư Mỹ thảo luận với các đối tác Việt Nam về các kế hoạch làm ăn một cách cơ bản và có hệ thống nhất. Thông qua cầu nối này, các nhà đầu tư đã đề xuất hàng chục dự án trong hầu hết các lĩnh vực quan trọng như dầu khí, điện lực, hàng không và công nghệ thông tin.

Trong một báo cáo gần đây cho biết, hiện rất nhiều nhà đầu tư Mỹ đã chính thức đưa ra những đề xuất cho các dự án lớn. Vào dịp Hội nghị thượng đỉnh APEC, các nhà đầu tư Mỹ đã đạt được thỏa thuận xây dựng dự án nhiệt điện Mông Dương và dự án mở rộng cảng Cái Lân. Hai hãng bảo hiểm ACE và Liberty Mutual cũng đã đạt được hai giấy phép kinh doanh bảo hiểm sớm hơn dự kiến. Cho đến thời điểm này, các dự án trên đã lần lượt được triển khai. Đây là một tín hiệu cho thấy sự sẵn sàng của cả hai phía và mở ra một thời kỳ mới, một động lực để các nhà đầu tư Mỹ đẩy nhanh các dự án lớn.

Theo đánh giá, một số cảng biển của Việt Nam sẽ không thể đáp ứng được nhu cầu lưu chuyển hàng hóa trong thời gian tới, do vậy, các doanh nghiệp Mỹ đang rất quan tâm đầu tư vào lĩnh vực này.

Trong tình hình đó, một loạt các dự án đầu đã được ký kết giữa hai nước với vốn đăng ký lên tới hơn 11 tỷ USD, đa số tập trung vào các lĩnh vực: cơ sở hạ tầng, cảng biển, nhà máy điện, khu công nghiệp, khu đô thị... Ngoài ra còn đầu tư vào các dự án phát triển thị trường tài chính, công nghệ cao, viễn thông, công nghệ thông tin, các hợp đồng xuất nhập khẩu, giáo dục đào tạo. Đặc biệt có dự án liên doanh thành lập trường Đại học kỹ thuật tại Việt Nam. Trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, Mỹ là cường quốc số 1, do vậy mà các doanh nghiệp Việt Nam cũng đang tích cực tiếp cận các đối tác Mỹ, đây được cho là một lĩnh vực có rất nhiều triển vọng hợp tác. Ngoài các dự án được ký kết trực tiếp ngay tại các chuyến đi, các doanh nghiệp hai nước cũng đã bàn tới những dự án lớn về công nghệ cao trong tương lai.

Được biết, trong đề xuất của các nhà đầu tư Mỹ hiện nay có rất nhiều các tên tuổi lớn. Tập đoàn Conoco Phillips đã đầu tư khoảng 1 tỷ USD trong lĩnh vực thăm dò và khai thác dầu khí tại Việt Nam và họ có thể đầu tư thêm hàng tỷ USD nếu có tiềm năng và cơ hội. Tập đoàn Gannon quan tâm đến dự án đầu tư nhà máy nhiệt điện tại Đồng Nai với công suất 1.000MW theo 3 giai đoạn. Hiện công ty đang khảo sát xây dựng nhà máy điện tại Nhơn Trạch-Đồng Nai và sẽ đầu tư nếu đạt được những thỏa thuận liên quan phù hợp với hai bên.

Trong khi đó, các đại gia trong ngành công nghệ thông tin của Mỹ là Microsoft, Unisys, Qualcomm và Motorola cũng muốn thúc đẩy các dự án hợp tác với Việt Nam. Qualcomm muốn cung cấp hạ tầng mạng di động 3G cho các hãng EVN Telecom và Hanoi Telecom và tham gia dự án Internet không dây cho ngành giáo dục Việt Nam.

Trong điều kiện hội nhập quốc tế sâu rộng, dòng đầu tư trực tiếp của Mỹ sẽ tiếp tục hướng vào các lĩnh vực phát triển hạ tầng và chế tạo (các nhà đầu tư Mỹ hiện đang rất quan tâm đến các dự án khách sạn ven biển Vũng Tàu...),

công nghệ thông tin: Microsoft đã có văn phòng đại diện tại Việt Nam, và họ sẽ mở rộng hoạt động tại đây. Về chế tạo, quyết định đầu tư của Intel sẽ kéo theo các nhà sản xuất có liên quan đến họ...

Cho đến nay, vốn FDI của Mỹ vào Việt Nam đang nắm giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế Việt Nam: là nguồn vốn quan trọng trong đầu tư toàn xã hội, góp phần tăng cường năng lực sản xuất, đổi mới công nghệ, thúc đẩy sản xuất đổi địa, gia tăng xuất khẩu, giải quyết vấn đề việc làm, nâng cao trình độ lực lượng lao động, thúc đẩy doanh nghiệp trong nước tham gia vào chuỗi sản xuất giá trị toàn cầu, kéo theo các nhà đầu tư nước ngoài khác đầu tư vào Việt Nam, phát triển ngành công nghiệp phụ trợ, đẩy nhanh tốc độ hội nhập quốc tế và toàn cầu hoá... (Theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến cuối tháng 5/2015, Mỹ có tổng cộng 742 dự án đầu tư tại Việt Nam, với tổng vốn 11,035 tỷ USD, đứng ở vị trí thứ 7 trong số 101 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Các doanh nghiệp Mỹ đã có mặt hầu hết trong các ngành nghề, đầu tư vào 17/18 ngành nghề và có mặt tại 42/63 tỉnh thành).

Bên cạnh những đóng góp tích cực đó, đầu tư Mỹ cũng chưa đáp ứng được mong mỏi của phía Việt Nam. Thực tế thời gian qua, đầu tư của Mỹ thường tập trung nhiều vào ngành dịch vụ, ít tập trung vào công nghiệp chế tạo, các công nghệ được chuyển giao chưa phải là công nghệ hiện đại hoặc đến nay đã là công nghệ cũ, chưa tạo được tính lan toả của dòng FDI Mỹ.

Thực tế đầu tư của Mỹ vào Việt Nam trong thời gian qua chưa tương xứng với tiềm năng của hai nước, chưa đáp ứng được yêu cầu của tăng trưởng và phát triển bền vững của Việt Nam. Để đẩy mạnh thu hút và nâng cao hiệu quả đầu tư của Mỹ trong bối cảnh mới, Việt Nam cần thực hiện tổng thể và toàn diện các biện pháp liên quan đến hoàn thiện môi trường đầu tư nước ngoài, nâng cao năng lực điều hành quản lý của nhà nước đối với hoạt động FDI nói

chung và đầu tư của Mỹ nói riêng và một loạt các giải pháp khác. Ở đây, xin nêu lên một số điểm mấu chốt:

*Thứ nhất*, hoàn thiện hành lang pháp lý, tạo sân chơi bình đẳng cho các loại hình doanh nghiệp, đặc biệt là bảo đảm tính minh bạch và tiên liệu trước được trách nhiệm giải trình để các nhà đầu tư an tâm đầu tư dài hạn;

*Thứ hai*, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế kỹ thuật, đặc biệt hệ thống sân bay, bến cảng,...;

*Thứ ba*, xây dựng phát triển hệ thống công nghiệp phụ trợ, nếu không Việt Nam vẫn mãi mãi chỉ là nước gia công, lắp ráp thuê cho các công ty nước ngoài;

*Thứ tư*, đào tạo đội ngũ lao động đáp ứng tốt yêu cầu của các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các nhà đầu tư Mỹ.

Tăng cường thu hút FDI của Mỹ vào Việt Nam đồng nghĩa với việc nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế và tranh thủ sự đồng thuận của các bên trong đàm phán quốc tế để từ đó đưa Việt Nam hội nhập sâu rộng với nền kinh tế toàn cầu.

Bối cảnh quốc tế đã có nhiều thay đổi, kinh tế Trung Quốc có dấu hiệu giảm sút tăng trưởng, môi trường đầu tư Trung Quốc giảm mức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài nói chung và Mỹ nói riêng, quan hệ Mỹ - Trung căng thẳng khiến các nhà đầu tư muốn dịch chuyển vốn sang nước khác, việc Việt Nam đã và đang chuẩn bị ký kết nhiều hiệp định lớn quan trọng, đặc biệt là AEC và TPP, kinh tế thế giới phục hồi kéo theo sự phục hồi của dòng FDI toàn cầu hứa hẹn dòng FDI Mỹ gia tăng. Trong bối cảnh đó, Việt Nam rất có thể sẽ là một trong những lựa chọn của dòng di chuyển vốn này, đặc biệt là dòng vốn đầu tư của Mỹ đang có xu hướng gia tăng mạnh mẽ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nơi Mỹ thực hiện chiến lược tái cân bằng quyền lực ♦

**Tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Thị Kim Anh (2012): *Môi trường đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam*, Kỳ yêu hội thảo Giải pháp thúc đẩy và nâng cao chất lượng dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2012.
2. Lại Lâm Anh - Vũ Xuân Trường (2007): *Đầu tư trực tiếp của Hoa Kỳ vào Việt Nam: Thực trạng và triển vọng*, Tạp chí Những vấn đề kinh tế và Chính trị thế giới, số 6/2007.
3. Phạm Thị Hiếu (2012): *Đầu tư trực tiếp của Mỹ vào Việt Nam sau khủng hoảng tài chính*, Viện nghiên cứu châu Mỹ, 2012.
4. Đỗ Vũ Hưng (2012): *Rào cản môi trường kinh doanh: Đánh giá từ góc nhìn của các doanh nghiệp Mỹ*, Viện Nghiên cứu châu Mỹ, 2012.
5. Phạm Thanh Khiết (2010): *Vấn đề thu hút và sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, số 9/2010, tr.39 – 46.
6. Nguyễn Ngọc Mạnh và Lưu Ngọc Trinh (2010): *Quan hệ Việt Nam – Mỹ hướng tới tầm cao mới*, Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới, số 7/2010, tr.58 - 67.
7. Phùng Xuân Nhạ (2009): *Nhìn lại vai trò của đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối cảnh phát triển mới của Việt Nam*, Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới, số 2/2009.
8. Nguyễn Thanh Sơn (2011): *Việt Nam - Hoa Kỳ hướng tới một tương lai phồn vinh*, Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, tháng 1+2/2011, tr.20 - 22.
9. Nguyễn Thiết Sơn (2010): *Quan hệ hợp tác kinh tế Việt Nam - Hoa Kỳ*, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước KX.01/06-10 “Những vấn đề cơ bản của phát triển kinh tế Việt Nam đến năm 2020”.
10. Nguyễn Xuân Trung và Lê Hải Hà (2009): *Ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu đối với đầu tư của Mỹ vào Việt Nam*, Tạp chí Châu Mỹ Ngày nay, số 11/2009.
11. Nguyễn Minh Tuấn (2007): *Đầu tư trực tiếp nước ngoài của Mỹ tại Việt Nam: Thực trạng và triển vọng*, Viện Nghiên cứu Châu Mỹ, 2007.
12. Douglas Hotlz Eakin (2005): *Why does U.S. Investment Abroad Earn Higher Returns Than Foreign Investment in the United States?* 2005.
13. James K.Jackson (2008, 2011): *U.S. Direct Investment Abroad: Trends and Current Issues*, 2008, 2011.
14. James K.Jackson (2012): *Foreign Direct Investment in the United States: An Economic Analysis*, 2012.
15. Marcela Meirelles Aurelio (2006): *Going Global: The Changing Pattern of U.S. Investment Abroad*, 2006.
16. Richard W.Brown (2001): *Examination of U.S. inbound and outbound Direct Investment*, 2001.
17. UNCTAD (1991, 1995, 2001, 2003, 2005, 2007, 2011, 2013): *World Investment Report*, 1991, 1995, 2001, 2003, 2005, 2007, 2011, 2013.
18. UNCTAD (2013): *Division on Investment and Enterprise: Results and Impact Report 2013*, 2013.